TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HNGĐ–ST
Ngày: 18–9–2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TCC, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TCC, tỉnh SL tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TCC, tỉnh SL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2023/TLST-HNGĐ ngày 31-7-2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22-8-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07-9-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13-9-2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vì Thị S, sinh năm 1994.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn P, sinh năm 1991.

Đều trú tại: Bản L, xã TC, huyện TCC, tỉnh SL.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Vì Thị S trình bày:

Chị Vì Thị S và anh Lò Văn P kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 11/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện TCC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Lò Văn P.

Về con chung: Chị Vì Thị S và anh Lò Văn P có 02 con chung là cháu Lò Văn K, sinh ngày 17/12/2011 và cháu Lò BN, sinh ngày 21/3/2013. Hiện tại cả hai cháu đang sống cùng chị Vì Thị S.

Chị Vì Thị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vì Thị S không yêu cầu anh Lò Văn P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng*:* Không có.

Về nợ chung: Chị S cam đoan không có nợ chung.

Đối với bị đơn anh Lò Văn P: Tòa án đã tiến hành triệu tập tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Lò Văn P để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Lò Văn P vẫn cố tình vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Vì Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ý kiến như trong biên bản lấy lời khai và xin miễn án phí.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 16/8/2023: Kể từ khi kết hôn vợ chồng anh Lò Văn P và chị Vì Thị S sinh sống tại bản L, xã TC, huyện TCC, tỉnh SL. Quá trình chung sống nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không nắm được. Hiện tại anh P và chị S đã sống ly thân. Vợ chồng anh P, chị S có 02 con chung hiện tại đang sống cùng chị Vì Thị S.

Ý kiến của cháu Lò Văn K, sinh ngày 17/12/2011 (Biên bản ghi ý kiến ngày 16/8/2023): Cháu Lò Văn K có nguyện vọng muốn ở với chị Vì Thị S.

Ý kiến của cháu Lò BN, sinh ngày 21/3/2013 (Biên bản ghi ý kiến ngày 16/8/2023): Cháu Lò BN có nguyện vọng muốn ở với chị Vì Thị S.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TCC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị

đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vì Thị S được ly hôn anh Lò Văn P.

Về con chung: Giao cháu Lò Văn K, sinh ngày 17/12/2011 và cháu Lò BN, sinh ngày 21/3/2013 cho chị Vì Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lò Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng*:* Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Vì Thị S theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vì Thị S yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lò Văn P có nơi cư trú tại bản L, xã TC, huyện TCC, tỉnh SL. Tòa án nhân dân huyện TCC, tỉnh SL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Vì Thị S vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Lò Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vì Thị S và anh Lò Văn P kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 11/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện TCC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng anh P và chị S chung sống với nhau đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh P và chị S đã sống ly thân từ năm 2020, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tình cảm vợ chồng không còn, chị S yêu cầu ly hôn anh Lò Văn P.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Vì Thị S có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do vợ chồng không thể hòa giải được, đến ngày mở phiên tòa chị S vẫn kiên quyết ly hôn.

Tòa án đã tiến hành triệu tập tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Lò Văn P để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Lò Văn P vẫn cố tình vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, biên bản lấy lời khai cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị S và anh P không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân được một thời gian dài không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị S và anh P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Vì Thị S ly hôn với anh Lò Văn P.

[3] Về con chung: Chị Vì Thị S và anh Lò Văn P có 02 con chung là cháu Lò Văn K, sinh ngày 17/12/2011 và cháu Lò BN, sinh ngày 21/3/2013. Hiện tại cả hai cháu đang sống cùng chị Vì Thị S.

Chị Vì Thị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu.

Ý kiến của cháu Lò Văn K và cháu Lò BN đều muốn ở với chị Vì Thị S.

Xét thấy: Ý kiến của cháu Lò Văn K và cháu Lò BN đều có nguyện vọng muốn ở với chị Vì Thị S. Chị Vì Thị S có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập. Trong thời gian chị S và anh P sống ly thân, chị S đảm bảo được mọi điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần và học hành cho các cháu. Do đó, cần giao cháu Lò Văn K và cháu Lò BN cho chị Vì Thị S được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. (Chị Vì Thị S không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con)

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản riêng: Không có.

[7] Về nợ chung: Chị S cam đoan không có nợ chung.

[8] Về án phí: Chị Vì Thị S là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Vì Thị S. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vì Thị S được ly hôn anh Lò Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Văn K, sinh ngày 17/12/2011 và cháu Lò BN, sinh ngày 21/3/2013 cho chị Vì Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. (Chị Vì Thị S không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con)

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị S cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Vì Thị S. Hoàn trả lại chị Vì Thị S số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện TCC, tỉnh SL theo biên lai thu số: AA/2021/0003451, ngày 31/7/2023.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Vì Thị S, anh Lò Văn P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện TCC (2);
- Chi cục THADS huyện TCC;
- UBND xã TC, huyện TCC, tỉnh SL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Nghĩa